TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **330**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 12 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 757/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2019/QĐXXST-DS ngày 24/12/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Chí T1, sinh năm 1981.

- *Bị đơn:* Phan Quỳnh T2, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2019 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2012 anh T1 và chị T2 được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21/01/2012 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2012). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Võ Thị Huỳnh G, sinh 06/7/2007.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T1 xác định trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau và bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng và không còn hạnh phúc, đời sống chung hiện

nay không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay anh T1 yêu cầu ly hôn với chị T2; về con chung yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Lời trình bày của bị đơn tại đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa ngày 20/11/2019, thể hiện:

Ngày 11/11/2019 anh Võ Chí T1 là chồng của chị T2 có gửi đơn khởi kiện xin ly hôn với chị T2, qua nội dung đơn khởi kiện của anh T1, thì chị T2 có ý kiến như sau: Về hôn nhân thống nhất ly hôn với anh T1; đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dạy, chị T2 không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T2 còn trình bày do mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn được, do điều kiện đi làm xa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Tại tờ nguyện vọng của cháu Võ Thị Huỳnh G có anh Võ Chí T1 giám hộ chứng kiến, thể hiện:

Cháu là con của Võ Chí T1 và Phan Quỳnh T2, vì hoàn cảnh cha mẹ con ly hôn, nguyện vọng của con là được sống với cha.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Anh T1 xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T2 mâu thuẫn trầm trọng, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 khởi kiện chị T2 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con và chị T2 có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân của anh T1 và chị T2 được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng anh T1 và chị T2 không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hơn nữa anh T1 và chị T2 cương quyết ly hôn với nhau, do đó xác định anh T1 và chị T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ không đảm bảo hạnh phúc về sau, nên cần chấp nhận cho anh T1 được ly hôn với chị T2 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 13/2012 ngày 21/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

[4] *Xét về con chung:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên Võ Thị Huỳnh G đã từ đủ 07 tuổi trở lên và có nguyện vọng được sống với anh T1, và chị T2 cũng đồng ý giao con cho anh T1 nuôi dạy, do đó cần giao cháu G cho anh T1 nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T2 có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T2 thực hiện quyền này và chị T2 phải tôn trọng quyền của con chung được sống với anh T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Anh T1 xác định đủ điều kiện nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh T1, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Anh T1 và chị T2 cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về án phí:* Anh T1 phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh T1 đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Cho anh Võ Chí T1 được ly hôn với chị Phan Quỳnh T2.

- Về con chung: Giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dạy con chung tên Võ Thị Huỳnh G, sinh 06/7/2007. Chị T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con chung, không ai có quyền ngăn cản chị T2 thực hiện quyền này và chị T2 phải tôn trọng quyền của con chung được sống với anh T1.

Chị T2 có trách nhiệm giao cháu Võ Thị Huỳnh G, sinh 06/7/2007 cho anh T1 nuôi dạy.

2. Về án phí sơ thẩm:

Anh T1 phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T1 đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số: 0002924 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã X, huyện C, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung